TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Soan
Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 429/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q; địa chỉ trụ sở: Phường N, Quận A, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường C, quận B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Trần Đ, sinh năm 1996, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 129650.23 ngày 29/8/2023 và số 050876.23 ngày 10/5/2023; địa chỉ liên lạc: Phường C, quận B, Thành phố H; (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1974 và bà Trần Thị N, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Phường D, quận V, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Q trình bày:

Ngân hàng Q và ông Nguyễn Anh M, bà Trần Thị N thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng Q cho ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N vay số tiền 299.000.000 đồng; mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 22/6/2016 đến ngày 22/6/2021; lãi suất trong hạn bằng 7.99%/năm trong 12 tháng đầu, sau 12 tháng lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do nguyên đơn công bố tại thời điểm điều chỉnh +3,99%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 23 hàng tháng, mỗi tháng trả 4.980.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.180.000 đồng, trả lãi vào ngày 23 hàng tháng, trả phí theo quy định của nguyên đơn từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N thế chấp cho nguyên đơn tài sản là chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS mang biển số 51F-713.52, số khung RL4BT9F37G4024399, số máy 1NZZ429465, màu bạc, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 175068 do Công an Thành phố H cấp ngày 20/6/2016 cho ông Nguyễn Anh M đứng tên chủ sở hữu xe, theo Hợp đồng thế chấp số 0188/HĐTC-VIB619/16 ngày 22/6/2016 kèm Phụ lục 1. Tài sản bảo đảm do bị đơn giữ và bảo quản, sử dụng.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay đầy đủ theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 và bị đơn đã nhận đủ tiền vay. Ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay trên cho Ngân hàng Q theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 23/01/2018. Quá trình bị đơn sử dụng xe bị tai nạn làm xe hư hỏng nặng, ông Nguyễn Anh M đã ký biên bản bàn giao tài sản bảo đảm ngày 21/3/2018 bàn giao chiếc xe ô tô trên cho ngân hàng xử lý bán thu hồi nợ, nguyên đơn toàn quyền quyết định phương thức bán, giá bán tài sản phù hợp theo quy định của pháp luật. Số tiền bán tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên với giá 165.000.000 đồng đã trừ đi các chi phí bán, các chi phí xử lý nợ khác (nếu có) và trừ vào khoản nợ của bị đơn nhưng vẫn chưa đủ để trả hết khoản nợ bị đơn đã vay của nguyên đơn. Tính đến ngày 06/12/2022, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 259.816.231 đồng (trong đó trả gốc là 224.928.145 đồng, trả lãi là 34.888.086 đồng).

Ngân hàng Q khởi kiện ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ tính đến ngày 21/9/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 như sau:

+ Nợ gốc: 74.071.855 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 2.125.529 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 93.360.583 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 169.557.967 đồng

Ngoài ra, Ngân hàng Q yêu cầu ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải trả lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 mà các bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khoản vay có tài sản bảo đảm là xe ô tô TOYOTA VIOS mang biển số 51F-713.52 nêu trên, nhưng quá trình bị đơn sử dụng xe bị tai nạn làm xe hư hỏng nặng và các bên đã tự thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm này theo quy định của pháp luật, nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản bảo đảm nữa.

- *Bị đơn ông Nguyễn Anh M trình bày trong quá trình tố tụng:* Bị đơn xác nhận có ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và có vay của nguyên đơn 299.000 000 đồng để mua xe TOYOTA VIOS mang biển số 51F-713.52 như nguyên đơn trình bày. Sau thời gian có trả lãi cho nguyên đơn thì xe xảy ra tai nạn nên nguyên đơn đã thu hồi xe trên. Ông Nguyễn Anh M không nhớ chứng từ gì về vụ việc. Ông đã dùng chính chiếc xe trên để thế chấp cho nguyên đơn bảo đảm cho khoản vay. Thời gian đã quá lâu nên ông Nguyễn Anh M không biết khoản nợ còn lại với nguyên đơn. Khoảng 03 năm sau, nguyên đơn báo ông còn nợ gốc 73.000.000 đồng và nợ lãi, ông nghĩ nguyên đơn đã thu hồi xe coi như ông đã trả hết nợ nên ông không để ý gì đến khoản nợ của ngân hàng nữa. Nếu như khi thu hồi xe mà ngân hàng báo cho ông biết ông còn nợ thì ông sẽ mua lại chiếc xe ô tô nêu trên để có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn. Ông Nguyễn Anh M nộp đơn xin vắng mặt đề ngày 06/01/2023 có nội dung do hoàn cảnh gia đình nên bị đơn không thể có mặt tại Tòa để tham gia vụ kiện, ông sẽ chấp hành quyết định của Tòa khi Tòa ra bản án.

- *Bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt.*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N đến Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử bà Trần Thị N không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Trần Thị N cũng như không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn có mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Q. Do ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Q khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N tại Công an Phường D, quận V, Thành phố H, kết quả xác minh ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N có địa chỉ tạm trú tại Phường D, quận V, Thành phố H; bị đơn ông Nguyễn Anh M cũng viết trong bản tự khai ông đang cư trú ở địa chỉ trên. Do đó có cơ sở xác định địa chỉ trên là địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn. Ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N cư trú tại quận V, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Anh M có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/01/2023, sau đó cả ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N gửi đơn qua bưu điện đề nghị xét xử vắng mặt nhưng không đề ngày. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Anh M, bà Trần Thị N và Ngân hàng Q có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016, Hợp đồng thế chấp số 0188/HĐTC-VIB619/16 ngày 22/6/2016 kèm Phụ lục 1 được ký giữa ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N với Ngân hàng Q cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý.

Xét thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 và bảng kê chi tiết các khoản nợ thể hiện ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N có vay của Ngân hàng Q số tiền 299.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền vay. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N thế chấp cho nguyên đơn tài sản là chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS mang biển số 51F-713.52, số khung RL4BT9F37G4024399, số máy 1NZZ429465, màu bạc, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 175068 do Công an Thành phố H cấp ngày 20/6/2016 cho ông Nguyễn Anh M đứng tên chủ sở hữu xe, theo Hợp đồng thế chấp số 0188/HĐTC-VIB619/16 ngày 22/6/2016 kèm Phụ lục 1. Tại bản tự khai ngày 28/12/2022 và ngày 07/01/2023, ông Nguyễn Anh M cũng xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 299.000.000 đồng để mua xe ô tô nêu trên và ông thế chấp chính chiếc xe này để bảo đảm cho khoản vay của nguyên đơn. Tài sản bảo đảm do bị đơn giữ và bảo quản, sử dụng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bị đơn sử dụng tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA VIOS mang biển số 51F-713.52 bị tai nạn làm xe hư hỏng nặng. Ông Nguyễn Anh M xác nhận do xe bị tai nạn làm hư hỏng nên nguyên đơn đã thu hồi xe. Tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp thể hiện ông Nguyễn Anh M đã ký Biên bản làm việc ngày 18/3/2018 với đại diện nguyên đơn có nội dung xác nhận tổng dư nợ vay đến ngày 17/3/2018 là 213.810.859 đồng (trong đó: nợ gốc là 209.335.855 đồng, nợ lãi là 4.200.495 đồng, nợ lãi phạt là 274.509 đồng), ông xác nhận xe ô tô mang biển số 51F-713.52 nêu trên bị hư hỏng do gặp tai nạn rơi xuống biển, xe bị biến dạng hoàn toàn không hoạt động được, để giảm bớt thiệt hại ông đồng ý giao xe cho ngân hàng xử lý bán thu hồi nợ, số dư nợ còn lại ông cam kết kiếm việc làm để có tiền tiếp tục trả nợ cho ngân hàng. Sau đó, ông Nguyễn Anh M ký Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm ngày 21/3/2018 với nội dung ông đồng ý tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS nêu trên cho nguyên đơn xử lý bán thu hồi nợ, ngân hàng toàn quyền quyết định phương thức bán, giá bán tài sản phù hợp theo quy định của pháp luật; số tiền bán tài sản sau khi trừ đi các chi phí bán tài sản bảo đảm và các chi phí xử lý nợ khác (nếu có) sẽ được thu vào khoản nợ của ông Nguyễn Anh M; ngân hàng có toàn quyền ủy thác cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q thực hiện thủ tục bán tài sản bảo đảm để thu nợ; ông Nguyễn Anh M cam kết không khiếu kiện, khiếu nại gì về việc tự nguyện bàn giao chiếc xe ô tô trên cho ngân hàng để bán thu hồi nợ cho khoản vay của ông theo quy định. Ngày 29/3/2018, nguyên đơn ký Phụ lục hợp đồng nguyên tắc ủy thác xử lý tài sản bảo đảm tiền vay số 201.18/2018/PLHĐNT/VIB-AMC ủy thác cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q quản lý và xử lý tài sản bảo đảm xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS nêu trên. Ngày 27/8/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q đã ký Hợp đồng mua bán tài sản số 201.18/2018/HĐMBTS chuyển nhượng xe ô tô nêu trên với giá 165.000.000 đồng. Số tiền bán xe ô tô nêu trên nguyên đơn đã trừ vào các chi phí bán xe, các chi phí xử lý nợ khác và trừ vào khoản nợ của bị đơn nhưng vẫn chưa đủ để trả hết khoản nợ bị đơn đã vay của nguyên đơn. Tính đến ngày 06/12/2022, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số

tiền 259.816.231 đồng (trong đó trả gốc là 224.928.145 đồng, trả lãi là 34.888.086 đồng). Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 292/2023/QĐ-CCTLCC ngày 06/3/2023 và số 422/2023/QĐ-CCTLCC ngày 28/3/2023 cho ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N, yêu cầu bị đơn cung cấp bản sao toàn bộ tài liệu, chứng cứ về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, quá trình thanh toán nợ, việc xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô, số nợ đã trả, số nợ còn lại và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa bị đơn với nguyên đơn trong vụ án nhưng ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N không có ý kiến phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 - VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/9/2023 là 169.557.967 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 74.071.855 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.125.529 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.360.583 đồng. Do ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng vay gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Q khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q, cần buộc ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng Q tổng cộng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 21/9/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 là 169.557.967 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 74.071.855 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.125.529 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.360.583 đồng; kể từ ngày 22/9/2023, ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 - VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước

nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 mà các bên đã ký kết; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng Q. Đối với tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nêu trên, các bên đương sự đã tự thỏa thuận xử lý như nhận định ở trên, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.477.898 đồng đối với khoản nợ mà bị đơn phải trả là 169.557.967 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.263.148 đồng cho Ngân hàng Q theo biên lai thu số AA/2019/0052882 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 180, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, Điều 295, Điều 303, Điều 304, Điều 307, Điều 317, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 6 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q.

- Buộc ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/9/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016 là 169.557.967 (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 74.071.855 (Bảy mươi bốn triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 2.125.529 (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 93.360.583 (Chín mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng;

Kể từ ngày 22/9/2023, ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Q tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến khi ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0188/HĐTD1 -VIB619/16 ngày 20/6/2016 kèm Phụ lục là đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0188/KƯNN1-VIB619/16 ngày 22/6/2016.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho Ngân hàng Q.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.477.898 (Tám triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N phải trả là 169.557.967 (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng.

Ngân hàng Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.263.148 (Ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0052882 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Anh M và bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám